

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Nam Định, ngày tháng năm 2023

(Dự thảo 25/9/2023)

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm của từng chức danh người hoạt động
không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn (xóm), tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng
tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (xóm), tổ dân phố;
mức khoán kinh phí hoạt động hàng năm của các tổ chức chính trị - xã hội
ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Nam Định**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ...

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng
5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách
ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 9 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn (xóm), tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (xóm), tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động hàng năm của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chức danh và mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, gồm:

- a) Văn phòng Đảng ủy;
- b) Phó Chỉ huy trưởng quân sự;
- c) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- d) Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (đối với các xã, thị trấn);
- đ) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- e) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- g) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- h) Chủ tịch Hội chữ thập đỏ cấp xã;
- i) Chủ tịch Hội người cao tuổi cấp xã;
- k) Cán bộ phụ trách công tác tuyên giáo - dân vận;
- l) Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy;
- m) Cán bộ dân số, gia đình và trẻ em;
- n) Thủ quỹ và hỗ trợ công tác văn thư, lưu trữ;
- o) Nhân viên phụ trách đài truyền thanh.

2. Căn cứ các chức danh và số lượng được giao hàng năm, UBND các huyện, thành phố quyết định số lượng cụ thể người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở từng đơn vị hành chính cấp xã và bố trí số lượng người hoạt động không

chuyên trách ở cấp xã cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Mức phụ cấp: Thực hiện một mức phụ cấp đối với tất cả chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (sau khi đã trừ đi phần kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành), cụ thể là 1,33 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 2. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn (xóm), tổ dân phố

1. Đối với Bí thư chi bộ, Trưởng thôn (xóm), Tổ trưởng dân phố

a) Ở thôn (xóm) có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên hoặc thôn (xóm), tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã: 2,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Ở thôn (xóm), tổ dân phố còn lại: 1,65 lần mức lương cơ sở/người/tháng

2. Đối với Trưởng Ban công tác Mặt trận

a) Ở thôn (xóm) có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên hoặc thôn (xóm), tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã: 1,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Ở thôn (xóm), tổ dân phố còn lại: 1,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng

Điều 3. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (xóm), tổ dân phố và mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (xóm), tổ dân phố

1. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (xóm), tổ dân phố gồm:

a) Phó trưởng thôn (xóm), Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Bí thư chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

c) Chi hội trưởng Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam kiêm cộng tác viên dân số ở thôn (xóm), tổ dân phố; Chi hội trưởng Hội Nông dân Việt Nam, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn (xóm), tổ dân phố

a) Phó trưởng thôn (xóm), Phó Tổ trưởng tổ dân phố: bằng 50% mức phụ cấp của Trưởng thôn (xóm), Tổ trưởng tổ dân phố cùng thôn (xóm), tổ dân phố;

b) Bí thư chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội trưởng các hội: Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam:

- Ở thôn (xóm) có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên hoặc thôn (xóm), tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã: 0,3 lần mức lương cơ sở/người/tháng

- Các thôn (xóm), TDP còn lại: 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 4. Việc kiêm nhiệm và mức phụ cấp kiêm nhiệm

1. Việc kiêm nhiệm

a) Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn (xóm), tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn (xóm), tổ dân phố được kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn (xóm), tổ dân phố được kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

d) Mỗi người kiêm nhiệm không quá 01 chức danh.

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm

a) Khi thực hiện kiêm nhiệm chức danh nêu tại khoản 1 điều này mà giảm được số người theo quy định thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

b) UBND các huyện, thành phố quyết định chức vụ, chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm trong trường hợp số lượng chức danh bố trí kiêm nhiệm lớn hơn số lượng người hoạt động không chuyên trách giảm được so với quy định.

Điều 5. Mức khoán kinh phí hoạt động hàng năm của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Đơn vị cấp xã loại I: 15 triệu đồng/01 tổ chức/năm;

2. Đơn vị cấp xã loại II: 13 triệu đồng/01 tổ chức/năm;
3. Đơn vị cấp xã loại III: 10 triệu đồng/01 tổ chức/năm.

Điều 6. Kinh phí đảm bảo

Nguồn kinh phí chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn (xóm), tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động hàng năm của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã do ngân sách Trung ương và ngân sách chi cho cải cách chính sách tiền lương của tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khoá XIX, kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng...năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ...tháng...năm 2023.

2. Nghị quyết này thay thế, bãi bỏ một số nội dung của các Nghị quyết sau:

a) Thay thế các Nghị quyết: số 108/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 về việc hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ là Ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ủy viên Ban Thường vụ các đoàn thể cấp xã: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên và Trưởng Ban Công tác mặt trận, Bí thư chi đoàn, Chi hội trưởng: Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân ở thôn (xóm), tổ dân phố; số 28/2011/NQ-HĐND ngày 08/12/2011 về việc điều chỉnh mức hỗ trợ sinh hoạt phí quy định tại Nghị quyết số 108/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ là Ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ủy viên Ban Thường vụ các đoàn thể cấp xã: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên và Trưởng Ban Công tác mặt trận, Bí thư chi đoàn, Chi hội trưởng: Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân ở thôn (xóm), tổ dân phố; số 53/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Nam Định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Bãi bỏ những quy định tại Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 về việc điều chỉnh mức hỗ trợ sinh hoạt phí kiêm nhiệm đối với cán bộ Đảng đoàn thể ở cơ sở; điều chỉnh mức phụ cấp đối với Công an viên thường trực xã, thị trấn; quy định mức phụ cấp đối với nhân viên y tế tổ dân phố ở phường, thị trấn và quy định cán bộ kiêm cộng tác viên Dân số - Gia đình và Trẻ em ở thôn (xóm), tổ dân phố. Riêng đối với mức phụ cấp của Công an viên thường trực xã,

thị trấn quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 và mức phụ cấp đối với Trưởng ban bảo vệ dân phố, Phó ban bảo vệ dân phố, Công an viên, Bảo vệ dân phố quy định tại Nghị quyết số 138/2010/NQ-HĐND ngày 9/7/2010 thực hiện cho đến khi có quy định pháp luật khác thay thế hoặc bãi bỏ

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ; Website tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH